

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/HS-ST
Ngày: 10-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành.
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2020/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Hữu Đ, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1984, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 4/84, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Số 28, hẻm 9, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu Đ1 (đã chết) và bà Bùi Ngọc L (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt.

2. Trần Hữu Đ2, tên gọi khác: B, sinh năm 1991, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 4/84, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Số 28, hẻm 9, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Hữu Đ1 (đã chết) và bà Bùi Ngọc L (đã chết); vợ tên Nguyễn Thị Ngọc T (không đăng ký kết hôn) và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt.

3. Phan Văn H, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1988, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Ô 5/143, khu phố A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1963 và bà Phan Thị V, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-10-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Thị Kim X, tên gọi khác: Không có, sinh năm 1989, tại huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 1/151B, khu phố N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1963; chồng, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Ngày 14-10-2015 bị Trưởng Công an thị trấn G ra Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 21-7-2016 bị Trưởng Công an thị trấn G ra Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 08-02-2017 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định số 07/2017/QĐ-TA đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị bắt tạm giam từ ngày 20-11-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt.

5. La Thị T2, tên gọi khác: N1, sinh năm 1996, tại tỉnh Bắc Giang. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp Q, xã P, huyện C, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã PT, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông La Văn T3, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976; chồng tên Nguyễn Văn B1 (không đăng ký kết hôn và đã ly thân) và có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam từ ngày 20-11-2019 cho đến nay; bị cáo có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Đặng Thị Thu T5, sinh năm 1992. Địa chỉ: Ấp V, xã TĐ, huyện G, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. Anh Thiệu Thiên H1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Khu phố 2/142, N, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Minh T6, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố GH, phường TB, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4-2019, bị cáo Trần Hữu Đ nhiều lần mua ma túy đá của vợ chồng Huỳnh Thị Thanh K và Quách Nguyên G1 đem về phân nhỏ ra bán lại cho những người nghiện để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng. Đến khoảng tháng 6-2019, do mâu thuẫn trong việc mua bán ma túy với vợ chồng K nên bị cáo Đ mua

ma túy của người tên T7 không rõ lý lịch ở khu vực xã LG, huyện ĐH, tỉnh Long An, mỗi lần mua từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đem về phân nhỏ ra để bán cho những người nghiện. Trong thời gian này, bị cáo Trần Hữu Đ2 là em ruột của bị cáo Đ đến phụ giúp bị cáo Đ đã nhiều lần giao ma túy cho người mua, rồi nhận tiền giao lại cho bị cáo Đ thì bị cáo Đ cho bị cáo Đ2 ma túy sử dụng. Đến khoảng tháng 9-2019, bị cáo Phan Văn H đến phụ giúp bị cáo Đ giao ma túy được 03 lần, rồi nhận tiền giao lại cho bị cáo Đ thì bị cáo Đ cho bị cáo H ma túy sử dụng.

Khi những người nghiện có nhu cầu mua ma túy sử dụng thì gọi điện thoại cho bị cáo Đ và đến căn nhà số 28, hẻm 9, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh (là nhà của bà Trần Thị Anh R1 cho bị cáo Đ ở nhờ) để mua ma túy. Khi đến đứng ngoài hàng rào thì bị cáo Đ đem ma túy ra giao và nhận tiền, có khi bị cáo Đ kêu bị cáo Đ2 hoặc bị cáo H đem ma túy ra giao và nhận tiền, rồi đem tiền vào đưa lại cho bị cáo Đ. Các bị cáo Đ, Đ2 và H đã bán ma túy cho những người nghiện, cụ thể như sau:

- Bán ma túy cho Nguyễn Văn L 16 lần, mỗi lần 01 bịch với giá từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng từ tháng 8-2019 đến ngày 30-9-2019, trong đó: Bị cáo Đ trực tiếp giao 04 lần và bị cáo Đ1 trực tiếp giao 12 lần. Do L còn nợ tiền mua ma túy của bị cáo Đ 1.500.000 đồng nên L đã giao xe mô tô biển số 70L8-9645 cho bị cáo Đ để cầm trả.

- Bán ma túy cho Hồ Văn S 10 lần, mỗi lần 01 bịch với giá 500.000 đồng với lần cuối cùng ngày 30-9-2019, trong đó: Bị cáo Đ trực tiếp giao 04 lần và bị cáo Đ1 trực tiếp giao 06 lần.

- Bán ma túy cho Phan Văn Ch (S1) 05 lần, mỗi lần 01 bịch với giá từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng từ tháng 6-2019 đến ngày 27-9-2019, trong đó: Bị cáo Đ trực tiếp giao 04 lần và bị cáo Đ1 trực tiếp giao 01 lần.

- Bán ma túy cho Đinh Hoài N 04 lần, mỗi lần 01 bịch với giá từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng vào các ngày 21, 22, 23, 24 tháng 9-2019, trong đó: Bị cáo Đ trực tiếp giao 01 lần và bị cáo Đ1 trực tiếp giao 03 lần.

- Bán ma túy cho Đinh Thị Hoàng Ng 04 lần, mỗi lần 01 bịch giá 200.000 đồng từ tháng 8/2019, trong đó: Bị cáo Đ trực tiếp giao 02 lần và bị cáo Đ1 trực tiếp giao 02 lần.

- Bán ma túy cho Nguyễn Anh Kh (Th) 04 lần, mỗi lần 01 bịch với giá 200.000 đồng, vào các ngày 23, 25, 27, 29 tháng 9-2019, do bị cáo Đ2 trực tiếp giao.

- Bán ma túy cho Thiệu Thiên H1 03 lần, mỗi lần 01 bịch với giá 200.000 đồng từ tháng 4-2019 đến ngày 30-9-2019 do bị cáo Đ trực tiếp giao.

- Bán ma túy cho Võ Thanh T8 (C) 02 lần, mỗi lần 01 bịch với giá từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng vào các ngày 25, 30 tháng 9-2019, trong đó: Bị cáo Đ trực tiếp giao 01 lần và bị cáo Đ1 trực tiếp giao 01 lần.

- Bán ma túy cho các bị cáo La Thị T2 (N) và Nguyễn Thị Kim X 03, mỗi lần 01 bịch với giá 200.000 đồng từ tháng 9/2019 do bị cáo Đ trực tiếp giao. Trong đó: Lần sau cùng khoảng 02 giờ 30 phút ngày 01-10-2019, bị cáo X rủ bị cáo T2 mua ma túy cùng sử dụng thì bị cáo T2 đồng ý và đưa cho bị cáo X 200.000 đồng. Bị cáo X gọi điện thoại cho bị cáo Đ hỏi mua 200.000 đồng ma túy, rồi bị cáo X điều khiển xe mô tô biển số 70E1-375.61 của bị cáo T2 chở bị cáo T2 đến chỗ ở của bị cáo Đ thì bị cáo H mang 01 bịch ma túy ra giao cho bị cáo X, rồi nhận 200.000 đồng đem vào đưa cho bị cáo Đ. Đến 03 giờ 10 phút cùng ngày, bị cáo X chạy xe chở bị cáo Trang đi một đoạn thì bị lực lượng Công an huyện Gò Dầu đuổi theo bắt quả tang bị cáo X và bị cáo T2 cùng vật chứng 01 bịch nylon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa tinh thể rắn màu trắng được niêm phong (Kí hiệu M3); đồng thời tiến hành bắt quả tang bị cáo Đ, bị cáo H và giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với bị cáo Đ1. Công an thu giữ trong người và trong phòng ngủ của bị cáo Đôn 02 bịch nylon màu trắng được hàn kín bên trong có chứa tinh thể màu trắng được niêm phong (Kí hiệu M1, M2).

- Ngoài ra, các bị cáo Đ, Đ1 và H còn bán ma túy cho một số người không rõ lý lịch gồm: Đ2, K

Tại Kết luận giám định số 1476 ngày 03-10-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 02 bịch nylon màu trắng hàn kín (Kí hiệu M1, M2) gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 7,1947 gam. Mẫu tinh thể màu trắng bên trong 01 bịch nylon màu trắng hàn kín (Kí hiệu M3) gửi đến giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,1635 gam.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: 02 bịch nylon trong suốt được hàn kín bên trong có chứa 7,1947 gam ma túy loại Methamphetamine thu của bị cáo Đ; 01 cân điện tử màu đen-bạc; 30 bịch nhựa trong suốt có việc sọc đỏ; 40 bịch nhựa trong suốt có viền sọc xanh; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 01 lọ thủy tinh có nắp nhựa màu đỏ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh; 01 đoạn ống hút màu xanh trắng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số Imei: 356678086779306; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S6, màu xanh, số Imei: 351559079205902/72, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô Wave Trung Quốc, màu sơn xanh, biển số 70L8-9645, số khung: LWGXCHL1Y1006606, không có số máy, dung tích xi-lanh: 97 cm³, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 700.000 đồng đều thu của bị cáo Đ; Tiền Việt Nam 40.000 đồng thu của bị cáo H là tiền của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám, số Imei: 356649080152345, đã qua sử dụng thu của bị cáo Trang; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, model TA-1034, số Imei 1: 356967092778380; Imei 2: 356967097778358, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đen bạc, số Imei: 354411061919.297 đều thu của bị cáo Đ1; 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar, màu đen, số Imei: 352221122331461, đã qua sử dụng và 01 xe mô tô Wave Trung Quốc, màu sơn trắng đỏ, biển số 34B1-307.38, số khung:

NJ110*2000023652*; số máy: LC152FMH*01764894*, dung tích xi-lanh: 97 cm³, đã qua sử dụng đều thu của bị cáo Hận; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 70E1-375.61, số khung: RLHJF5813GY288394; số máy: JF66E0288488, dung tích xi-lanh: 108.2 cm³, đã qua sử dụng thu của bị cáo T2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, màu đen, số Imei 1: 35762308602826; Imei 2: 357624086028269, đã qua sử dụng thu của chị Đặng Thị Thu T5; 01 điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số Imei: 354083094987383, số sim 0902007921 và Tiền Việt Nam 800.000 đồng đều thu của anh Thiệu Thiên H1; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200, màu đen, số Imei: 358280032371573, đã qua sử dụng và Tiền Việt Nam 260.000 đồng đều thu của anh Nguyễn Minh T6.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện các bị cáo Đ, Đ1, H, X và T2 không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Đối với Huỳnh Thị Thanh K và Quách Nguyên G là những người mà bị cáo Đ khai nhận bán ma túy cho bị cáo Đ, nhưng qua làm việc K và G không thừa nhận, đã cho đối chất nhưng vẫn không có kết quả nên chưa có căn cứ để xử lý đối với K và G.

Đối với người tên Tuấn bán ma túy cho bị cáo Đ, người tên Đ2, K hiện chưa làm việc được nên khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với các đối tượng Đặng Thị Thu T5, Nguyễn Văn L, Hồ Văn T7, Phan Văn C, Đinh Hoài N, Nguyễn Minh T6, Thiệu Thiên H và Nguyễn Anh K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ để xử lý hành chính.

Đối với bà Trần Thị Anh R1 là chủ sở hữu của căn nhà số 28, hẻm 9, khu phố N, thị trấn G, huyện G do bà R1 không biết việc các bị cáo Đ và Đ1 sử dụng nhà làm nơi mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Cáo trạng số 45/CT-VKSGD ngày 24-4-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đã truy tố bị cáo Trần Hữu Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Hữu Đ1 (B) về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Thị Kim X và La Thị T2 (N) về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 và điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ từ 10 năm đến 11 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ1 (B) từ 09 năm đến 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Điểm b, c khoản 2 Điều 251 và điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Văn H từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo La Thị T2 (N) từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và có đủ căn cứ xác định:

Do muốn có thu lợi bất chính cao, có tiền sử dụng ma túy và tiêu xài cá nhân nên bị cáo Trần Hữu Đ đã hoạt động mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 4-2019 đến ngày 01-10-2019 tại căn nhà số 28, hẻm 9, khu phố R, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh là nhà mà bị cáo Đ ở nhờ để bán ma túy. Bị cáo Đ đã nhiều lần trực tiếp và thông qua các bị cáo Trần Hữu Đ1, Phan Văn H để bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện gồm Nguyễn Văn L, Hồ Văn T7, Phan Văn C (S), Đinh Hoài N, Đinh Thị Hoàng Ng, Nguyễn Anh K (T8), Thiệu Thiên H, Võ Thanh T9 (C1), bị cáo La Thị T2 và bị cáo Nguyễn Thị Kim X với tổng cộng 51 lần thì bị bắt quả tang cùng vật chứng là chất ma túy loại Methamphetamin, có tổng khối lượng là 7,3582 gam. Hành vi nhiều lần bán trái phép chất ma túy của bị cáo Đ cho các đối tượng nghiện, bán trực tiếp đối với 02 người trở lên và khối lượng ma túy 7,3582 gam nên

thuộc tình tiết định khung tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*”, “*đối với 02 người trở lên*” và “... *Methamphetamin, ... có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam*”. Do đó, hành vi của bị cáo Đ xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đ1 là em ruột của bị cáo Đ đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Đ giao ma túy cho các đối tượng nghiện với 29 lần nên thuộc tình tiết định khung tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*”. Do đó, hành vi của bị cáo Đ1 xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo H đã có hành vi giúp sức cho bị cáo Đ giao ma túy các đối tượng nghiện với 03 lần thì bị bắt quả tang cùng vật chứng là chất ma túy loại Methamphetamin với khối lượng 0,1635 gam và trong đó bị cáo H giao trực tiếp ma túy cho 02 bị cáo X, T2 vào ngày 01-10-2019 nên thuộc tình tiết định khung tăng nặng là “*phạm tội 02 lần trở lên*” và “*đối với 02 người trở lên*”. Do đó, hành vi của bị cáo H xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Ngày 01-10-2019 các bị cáo X và T2 đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy loại Methamphetamin với khối lượng 0,1635 gam để sử dụng thì bị bắt quả tang cùng vật chứng. Do đó, hành vi của các bị cáo X và T2 xét thấy có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, làm mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng đến sức khỏe của con người và đời sống xã hội. Cho nên cần xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc mới đủ sức răn đe và tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, để cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân tốt, biết chấp hành pháp luật khi hòa nhập cộng đồng, nhằm đạt được mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Xét về nhân thân, tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Đ là người trực tiếp mua ma túy và phân ma túy ra bán cho các đối tượng nghiện để có tiền tiêu xài nên bị cáo phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo còn lại. Các bị cáo Đ2 và H biết bị cáo Đ bán ma túy nên bị cáo Đ2 đã trực tiếp giao ma túy với 29 lần nhằm mục đích bị cáo Đ cho tiền tiêu xài, bị cáo H đã trực tiếp giao ma túy với 03 lần nhằm mục đích để bị cáo Đ cho ma túy sử dụng nên bị cáo Đ1 phải chịu mức hình phạt sau bị cáo Đ nhưng cao hơn so với bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo H có nhân thân xấu vì ngày 01-9-2011 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ra Bản án số 69/2011/HS-ST xử phạt số tiền 10.000.000 đồng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 30 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (đã được xóa án tích).

Bị cáo X là người trực tiếp rủ rê, giúp sức chở bị cáo T2 đi mua ma túy của bị cáo Đ và bị cáo T2 là người trực tiếp bỏ tiền ra mua ma túy. Tuy nhiên, bị cáo X có nhân thân xấu vì ngày 14-10-2015 bị Trưởng Công an thị trấn G ra Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 21-7-2016 bị Trưởng Công an thị trấn G ra Quyết định số 47/QĐ-XPHC xử phạt 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 08-02-2017 bị Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh ra Quyết định số 07/2017/QĐ-TA đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng sau khi cai nghiện cai lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo X phải chịu mức hình phạt cao hơn so với bị cáo T2.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng các bị cáo Đ, Đ1 và H đã tự thú khai báo những lần bán ma túy trước đó nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Do các bị cáo không có tài sản và không có nghề nghiệp ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

[6] Về xử lý vật chứng:

Các vật chứng gồm: 01 bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong trong vụ số 1476/KL-KTHS (gói 1), có chữ ký ghi rõ họ và tên Giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý Nguyễn Thị Thùy Dương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, bên trong chứa 3,7228 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định; 01 bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong trong vụ số 1476/KL-KTHS (gói 2), có chữ ký ghi rõ họ và tên Giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý Nguyễn Thị Thùy Dương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, bên trong chứa 2,9561 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định; 01 bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong trong vụ số 1476/KL-KTHS (gói 3), có chữ ký ghi rõ họ và tên Giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý Nguyễn Thị Thùy Dương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, bên trong chứa 0,0977 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định; 01 cân điện tử màu đen-bạc; 30 bịch nhựa trong suốt có việc sọc đỏ; 40 bịch nhựa trong suốt có viền sọc xanh; 01 cây kéo bằng kim loại màu trắng; 01 lọ thủy tinh có nắp nhựa màu đỏ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh và 01 đoạn ống hút màu xanh trắng đều không có giá trị, không sử dụng được nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số Imei: 356678086779306; 01 xe mô tô Wave Trung Quốc, màu sơn xanh, biển số 70L8-9645, số khung: LWGXCHL1Y1006606, không có số máy, dung tích xi-lanh: 97 cm³, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 700.000 đồng đều thu của bị cáo Đ; Tiền Việt Nam 40.000 đồng thu của bị cáo H là tiền của bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám, số Imei: 356649080152345, đã qua sử dụng của bị cáo T2 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, model TA-1034, số Imei 1: 356967092778380; Imei 2: 356967097778358, đã qua sử dụng của bị cáo Đ1 là phương tiện phạm tội và số tiền phạm tội mà có nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Các vật chứng gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S6, màu xanh, số Imei: 351559079205902/72, đã qua sử dụng thu của bị cáo Đ dùng để chơi game; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đen bạc, số Imei: 354411061919.297 của bị cáo Đ1 dùng để liên lạc, chơi game; 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu đen, số Imei: 352221122331461, đã qua sử dụng của bị cáo H dùng để liên lạc cá nhân; 01 xe mô tô Wave Trung Quốc, màu sơn trắng đỏ, biển số 34B1-307.38, số khung: NJ110*2000023652*; số máy: LC152FMH*01764894*, dung tích xi-lanh: 97 cm³, đã qua sử dụng của bị cáo H dùng làm phương tiện đi lại; 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 70E1-375.61, số khung: RLHJF5813GY288394; số máy: JF66E0288488, dung tích xi-lanh: 108.2 cm³, đã qua sử dụng của bị cáo T2; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, màu đen, số Imei 1: 35762308602826; Imei 2: 357624086028269, đã qua sử dụng của chị Đặng Thị Thu T5; 01 điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số Imei: 354083094987383, số sim 0902007921 và Tiền Việt Nam 800.000 đồng của anh Thiệu Thiên H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1200, màu đen, số Imei: 358280032371573, đã qua sử dụng và Tiền Việt Nam 260.000 đồng của anh Nguyễn Minh T6 đều không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

Việc xử lý vật chứng như trên là phù hợp với các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18-5-2020)

[7] Các vấn đề khác:

Đối với Huỳnh Thị Thanh K và Quách Nguyên G là những người mà bị cáo Đ khai nhận bán ma túy cho bị cáo Đ, nhưng qua làm việc K và G không thừa nhận, đã cho đôi chất nhưng vẫn không có kết quả nên chưa có căn cứ để xử lý đối với K và G là phù hợp.

Đối với người tên T7 bán ma túy cho bị cáo Đ, người tên Đ3, K hiện chưa làm việc được, khi nào làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với các đối tượng Đặng Thị Thu T5, Nguyễn Văn L, Hồ Văn Th, Phan Văn C, Đinh Hoài N, Nguyễn Minh T6, Thiệu Thiên H và Nguyễn Anh K có

hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra đã chuyển hồ sơ để xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với bà Trần Thị Anh R1 là chủ sở hữu nhà số 28, hẻm 9, khu phố N, thị trấn G, do bà R1 không biết việc các bị cáo Đ và Đ1 sử dụng nhà làm nơi mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu Đ, Trần Hữu Đ1 (B) và Phan Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim X và La Thị T2 (N) phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm b, c, i khoản 2 Điều 251 và điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đôn 10 (mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-10-2019.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 và điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Hữu Đ1 (B) 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-10-2019.

- Căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 251 và điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Phan Văn H 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01-10-2019.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-11-2019.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo La Thị T2 (N) 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 20-11-2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong trong vụ số 1476/KL-KTHS (gói 1), có chữ ký ghi rõ họ và tên Giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý Nguyễn Thị Thùy Dương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, bên trong chứa 3,7228 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định; 01 (một) bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong trong vụ số 1476/KL-KTHS (gói 2), có chữ ký ghi rõ họ và tên Giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý Nguyễn Thị Thùy Dương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, bên trong chứa 2,9561 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định; 01 (một) bì thư được niêm phong theo biên bản niêm phong trong vụ số 1476/KL-KTHS (gói 3), có chữ ký ghi rõ họ và tên Giám định viên Nguyễn Văn Nguyễn, trợ lý Nguyễn Thị Thùy Dương và dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh, bên trong chứa 0,0977 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau khi giám định; 01 (một) cân điện tử màu đen-bạc; 30 (ba mươi) bịch nhựa trong suốt có việc sọc đỏ; 40 (bốn mươi) bịch nhựa trong suốt có viền sọc xanh; 01 (một) cây kéo bằng kim loại màu trắng; 01 (một) lọ thủy tinh có nắp nhựa màu đỏ gắn 01 ống hút nhựa và 01 ống thủy tinh và 01 (một) đoạn ống hút màu xanh trắng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu vàng đồng, số Imei: 356678086779306; 01 (một) xe mô tô Wave Trung Quốc, màu sơn xanh, biển số 70L8-9645, số khung: LWGXCHL1Y1006606, không có số máy, dung tích xi-lanh: 97 cm³, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 740.000 đồng (bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) đều của bị cáo Đ; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh, model TA-1034, số Imei 1: 356967092778380; Imei 2: 356967097778358, đã qua sử dụng của bị cáo Đ1 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu xám, số Imei: 356649080152345, đã qua sử dụng của bị cáo T2.

- Trả lại: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S6, màu xanh, số Imei: 351559079205902/72, đã qua sử dụng cho bị cáo Đ; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu đen bạc, số Imei: 354411061919.297 cho bị cáo Đ1; 01 (một) điện thoại di động hiệu Mobistar, màu đen, số Imei: 352221122331461, đã qua sử dụng và 01 (một) xe mô tô Wave Trung Quốc, màu sơn trắng đỏ, biển số 34B1-307.38, số khung: NJ110*2000023652*; số máy: LC152FMH*01764894*, dung tích xi-lanh: 97 cm³, đã qua sử dụng cho bị cáo H; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, màu trắng, biển số 70E1-375.61, số khung: RLHJF5813GY288394; số máy: JF66E0288488, dung tích xi-lanh: 108.2 cm³, đã qua sử dụng cho bị cáo T2; 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 Prime, màu đen, số Imei 1: 35762308602826; Imei 2: 357624086028269, đã qua sử dụng của chị Đặng Thị Thu T5; 01 (một) điện thoại di động hiệu ITEL, màu đen, số Imei: 354083094987383, số sim 0902007921 cho anh Thiệu Thiên H; Tiền Việt Nam 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) cho anh Thiệu Thiên H; 01

(một) điện thoại di động hiệu Nokia 1200, màu đen, số Imei: 358280032371573, đã qua sử dụng và Tiền Việt Nam 260.000 đồng (hai trăm sáu mươi nghìn đồng) cho anh Nguyễn Minh T6.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18-5-2020)

3. Án phí: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đ, Đ1 (B), H, X và T2 (N) mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Công an huyện Gò Dầu;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Gò Dầu;
- UBND xã, phường, thị trấn nơi bị cáo cư trú;
- Các bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Tuấn Anh